

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-3-2023

V/v : “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NT, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NT tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 713/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị **Huỳnh K**, sinh năm: 1992;

HKTT: Ấp B, xã MT, huyện C, tỉnh An Giang; Nơi ở hiện nay: ấp BS, xã P, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

+ Bị đơn: Anh **Nguyễn Tấn N**, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Ấp BS, xã P, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2022, bản tự khai ngày 06/01/2023 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chị Huỳnh K trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh Nguyễn Tấn N tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện NT, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 29/8/2012. Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân do anh N thường xuyên nhậu nhẹt, chị khuyên nhiều lần để anh thay đổi nhưng không có kết quả. Vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên trong cuộc sống hai người không có sự quan tâm, chia sẻ thông cảm cho nhau. Chị K và anh N đã ly thân được 01 năm. Nay hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm mục đích hôn nhân không đạt được nên chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Bình Minh H, sinh ngày 05/5/2013. Chị K yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

- Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chị K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

* Bị đơn anh Nguyễn Tấn N đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ nên không có lời trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NT phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh K là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận cho chị K được ly hôn với anh Nguyễn Tấn N. Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Bình Minh H, sinh ngày 05/5/2013, đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Chị K khai không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị K phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Huỳnh K có yêu cầu vắng mặt, anh Nguyễn Tấn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

Chị Huỳnh K yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Tấn N. Theo biên bản xác minh ngày 12/01/2023 tại Công an xã P, huyện NT thể hiện anh N có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại Ấp BS, xã P, huyện NT, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện NT có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Huỳnh K, bị đơn là anh Nguyễn Tấn N.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh K và anh Nguyễn Tấn N chung sống vào năm 2012 trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện NT, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 29/8/2012. Do đó căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân Nghĩa vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị K khai là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên trong cuộc sống hai người không có sự quan tâm, chia sẻ thông cảm cho nhau, ngoài ra anh Nghĩa thường xuyên nhậu nhẹt, chị K khuyên nhiều lần để anh thay đổi nhưng không có kết quả. Chị K và anh Nghĩa đã ly thân được 01 năm. Trong thời gian sống ly thân nhau, chị K và anh N không gặp nhau để bàn bạc hòa giải đoàn tụ lần nào. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, anh N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án thể hiện anh N không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị K. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị K và anh N đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị K được ly hôn anh N là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị K khai có 01 con chung tên là Nguyễn Bình Minh H, sinh ngày 05/5/2013 hiện đang sống cùng chị K. Ly hôn, chị K có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, chị K đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, quá trình giải quyết ly hôn thì anh N cũng không có ý kiến gì về việc chị K xin nuôi dưỡng con chung nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình cần giao cháu H cho chị K nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

[5]. Tài sản chung: Chị K khai không có nên không xét.

[6]. Nợ chung: Chị K khai không có nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016, chị K phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh K về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” với anh Nguyễn Tấn N.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh K được ly hôn với anh Nguyễn Tấn N
2. Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Bình Minh H , sinh ngày 05/5/2013 cho chị Huỳnh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Nguyễn Tấn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Tấn N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà chị K đã nộp theo biên lai thu số 0009687 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NT, tỉnh Đồng Nai. Chị K đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án./.

ơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện NT;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Oanh